

**ĐỀ ÁN**  
**TUYỂN SINH TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC NĂM 2021**

*(Bản rút gọn)*

**I. Thông tin chung** (tính đến thời điểm xây dựng đề án)

1. Tên trường, sứ mệnh, địa chỉ các trụ sở (trụ sở chính và phân hiệu) và địa chỉ trang thông tin điện tử của trường

- Tên trường: Trường Đại học Y Dược Hải Phòng

- Sứ mệnh: ” Đào tạo nguồn nhân lực y tế uy tín, chất lượng; là trung tâm nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ; cung cấp dịch vụ chăm sóc sức khỏe và chú trọng phát triển y dược biển đảo Việt Nam”

- Địa chỉ: 72A Nguyễn Bình Khiêm – Ngô Quyền – Hải Phòng

- Website: hpmu.edu.vn

2. Quy mô đào tạo chính quy đến 31/12/2020

STT	Theo phương thức, trình độ đào tạo	Quy mô theo khối ngành đào tạo (Khối ngành VI)	Tổng
<b>I.</b>	<b>Chính quy</b>		
<b>1</b>	<b>Sau đại học</b>		
<b>1.1</b>	<b>Tiến sĩ</b>		
1.1.1	Ngoại khoa	9	<b>9</b>
1.1.2	Nhi khoa	7	<b>7</b>
1.1.3	Nội khoa	2	<b>2</b>
1.1.4	Y tế công cộng	13	<b>13</b>
<b>1.2</b>	<b>Thạc sĩ</b>		
1.2.1	Ngoại khoa	11	<b>11</b>
1.2.2	Nhi khoa	35	<b>35</b>
1.2.3	Nội khoa	13	<b>13</b>
1.2.4	Kỹ thuật xét nghiệm y học	19	<b>19</b>
1.2.5	Y tế công cộng	21	<b>21</b>
1.2.6	Y học biển	5	<b>5</b>
<b>2</b>	<b>Đại học</b>		
<b>2.1</b>	<b>Chính quy</b>		
<b>2.1.1</b>	<b>Các ngành đào tạo trừ ngành đào tạo ưu tiên</b>		
2.1.1.1	Y khoa	3081	<b>3081</b>
2.1.1.2	Y học dự phòng	224	<b>224</b>
2.1.1.3	Y học cổ truyền	340	<b>340</b>

2.1.1.4	Dược học	558	<b>558</b>
2.1.1.5	Điều dưỡng	458	<b>458</b>
2.1.1.6	Răng - Hàm - Mặt	421	<b>421</b>
2.1.1.7	Kỹ thuật xét nghiệm y học	298	<b>298</b>
<b>2.2</b>	<b>Liên thông từ trung cấp lên đại học chính quy</b>		
2.2.1	Y khoa	791	<b>791</b>
2.2.2	Dược học	55	<b>55</b>
<b>II</b>	<b>Vừa làm vừa học</b>		
<b>1</b>	<b>Đại học</b>		
<b>1.1</b>	<b>Vừa làm vừa học</b>		
<b>1.2</b>	<b>Liên thông từ trung cấp lên đại học VLVH</b>		
1.2.1	Điều dưỡng	216	<b>216</b>
1.2.2	Kỹ thuật xét nghiệm y học	116	<b>116</b>
<b>1.3</b>	<b>Liên thông từ cao đẳng lên đại học VLVH</b>		
1.3.1	Điều dưỡng	705	<b>705</b>
1.3.2	Kỹ thuật xét nghiệm y học	153	<b>153</b>

### 3. Thông tin về tuyển sinh chính quy của 2 năm gần nhất

3.1. Phương thức tuyển sinh của 2 năm gần nhất (thi tuyển, xét tuyển hoặc kết hợp thi tuyển và xét tuyển)

Xét tuyển theo kết quả của Kỳ thi THPT quốc gia.

3.2. Điểm trúng tuyển của 2 năm gần nhất (nếu lấy từ kết quả của Kỳ thi THPT quốc gia)

Nhóm ngành/ Ngành/ tổ hợp xét tuyển	Năm tuyển sinh -2 (2019)			Năm tuyển sinh -1 (2020)		
	Chỉ tiêu	Số trúng tuyển	Điểm trúng tuyển	Chỉ tiêu	Số trúng tuyển	Điểm trúng tuyển
<b>Nhóm ngành VI</b>						
- Y đa khoa + Tổ hợp: Toán, Hóa, Sinh + Tổ hợp: Toán, Lý, Hóa	450 100	471 108	23.85 23.20	350 150	179 313	27 26
- Y học dự phòng + Tổ hợp: Toán, Hóa, Sinh + Tổ hợp: Toán, Sinh, Anh	40 40	35 3	18.05 20.60	60	47	21.4
- Y học cổ truyền + Tổ hợp: Toán, Hóa, Sinh	80	71	20.10	70	78	23.9
- Răng hàm mặt + Tổ hợp: Toán, Hóa, Sinh	80	82	23.50	80	77	26.8
- Dược học + Tổ hợp: Toán, Hóa, Sinh + Tổ hợp: Toán, Lý, Hóa + Tổ hợp: Toán, Hóa, Anh	40 40 40	38 41 40	22.65 22.95 20.05	60 60 30	71 63 29	26 25.65 23.85
- Điều dưỡng + Tổ hợp: Toán, Hóa, Sinh + Tổ hợp: Toán, Sinh, Anh	100 50	126 8	20.35 18.00	200	197	22.85
- Kỹ thuật Xét nghiệm y học + Tổ hợp: Toán, Hóa, Sinh	80	80	20.80	80	91	24.6
<b>Tổng</b>	<b>1140</b>	<b>1103</b>		<b>1140</b>	<b>1145</b>	

## II. Các thông tin của năm tuyển sinh

### 1. Tuyển sinh chính quy trình độ đại học (Không bao gồm liên thông chính quy từ TC, CĐ lên ĐH, ĐH đối với người có bằng ĐH)

#### 1.1. Đối tượng tuyển sinh

Theo quy định tại điều 5 – Chương II – Quy chế tuyển sinh trình độ đại học; tuyển sinh trình độ cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non (Ban hành kèm theo Thông tư số 09/2020/TT-BGDĐT ngày 07/05/2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo).

#### 1.2. Phạm vi tuyển sinh

Trường tuyển sinh trên phạm vi cả nước.

#### 1.3. Phương thức tuyển sinh (thi tuyển, xét tuyển hoặc kết hợp thi tuyển và xét tuyển)

Xét tuyển dựa vào kết quả kỳ thi THPT năm 2021 theo từng ngành học.

#### 1.4. Chỉ tiêu tuyển sinh: Chỉ tiêu theo Ngành/Nhóm ngành/Khối ngành, theo từng phương thức tuyển sinh và trình độ đào tạo

##### a) Thông tin danh mục ngành được phép đào tạo

TT	Mã ngành	Tên ngành	Số quyết định mở ngành hoặc chuyển đổi tên ngành (gần nhất)	Ngày tháng năm ban hành Số quyết định mở ngành hoặc chuyển đổi tên ngành (gần nhất)	Trường tự chủ QĐ hoặc Cơ quan có thẩm quyền cho phép	Năm bắt đầu đào tạo	Năm đã tuyển sinh và đào tạo gần nhất với năm tuyển sinh
1	7720101	Y khoa	966/QĐ-BGDĐT	15/03/2018	Bộ Giáo dục và Đào tạo	1979	2020
2	7720110	Y học dự phòng	966/QĐ-BGDĐT	15/03/2018	Bộ Giáo dục và Đào tạo	2007	2020
3	7720115	Y học cổ truyền	966/QĐ-BGDĐT	15/03/2018	Bộ Giáo dục và Đào tạo	2015	2020
4	7720201	Dược học	966/QĐ-BGDĐT	15/03/2018	Bộ Giáo dục và Đào tạo	2012	2020
5	7720301	Điều dưỡng	966/QĐ-BGDĐT	15/03/2018	Bộ Giáo dục và Đào tạo	2005	2020
6	7720501	Răng - Hàm - Mặt	966/QĐ-BGDĐT	15/03/2018	Bộ Giáo dục và Đào tạo	2009	2020
7	7720601	Kỹ thuật xét nghiệm y học	966/QĐ-BGDĐT	15/03/2018	Bộ Giáo dục và Đào tạo	2009	2020

b) *Chỉ tiêu tuyển sinh đối với từng ngành/ nhóm ngành/ khối ngành tuyển sinh; theo từng phương thức tuyển sinh và trình độ đào tạo*

<b>TT</b>	<b>Ngành</b>	<b>Mã ngành</b>	<b>Tổ hợp môn</b>	<b>Mã tổ hợp</b>	<b>Chỉ tiêu</b>
<b>Tổng chỉ tiêu đào tạo 2021 là 1190 trong đó có 50 chỉ tiêu Y khoa đào tạo cho lưu học sinh Lào, chỉ tiêu còn lại như sau:</b>					
1	Y khoa (B)	7720101B	Toán, Hóa, Sinh	B00	350
2	Y khoa (A)	7720101A	Toán, Lý, Hóa	A00	150
3	Y học dự phòng	7720110	Toán, Hóa, Sinh	B00	60
4	Y học cổ truyền	7720115	Toán, Hóa, Sinh	B00	70
5	Răng hàm mặt	7720501	Toán, Hóa, Sinh	B00	80
6	Dược học (B)	7720201B	Toán, Hóa, Sinh	B00	60
7	Dược học (A)	7720201A	Toán, Lý, Hóa	A00	60
8	Dược học (D)	7720201D	Toán, Hóa, Anh	D07	30
9	Điều dưỡng	7720301	Toán, Hóa, Sinh	B00	200
10	Kỹ thuật xét nghiệm y học	7720601	Toán, Hóa, Sinh	B00	80
<b>Tổng cộng</b>					<b>1140</b>

*1.5. Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào, điều kiện nhận hồ sơ ĐKXT*

Theo ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào do Bộ Giáo dục và Đào tạo xác định.

*1.6. Các thông tin cần thiết khác để thí sinh ĐKXT vào các ngành của trường: mã số trường, mã số ngành, tổ hợp xét tuyển và quy định chênh lệch điểm xét tuyển giữa các tổ hợp; các điều kiện phụ sử dụng trong xét tuyển...*

- Mã trường: **YPB**

- Mã ngành, tổ hợp xét tuyển (như bảng phần 1.4 trên)

- Nguyên tắc xét tuyển:

+ thí sinh được ĐKXT không giới hạn số nguyện vọng và phải sắp xếp nguyện vọng theo thứ tự ưu tiên từ cao xuống thấp (nguyện vọng 1 là nguyện vọng cao nhất)

+ đối với từng ngành, thí sinh được xét bình đẳng theo kết quả thi, không phân biệt thứ tự ưu tiên của nguyện vọng đăng ký;

+ với mỗi thí sinh nếu ĐKXT vào nhiều ngành trong trường thì việc xét tuyển được thực hiện theo thứ tự ưu tiên của các nguyện vọng; thí sinh chỉ trúng tuyển vào một nguyện vọng ưu tiên cao nhất có thể trong danh sách các nguyện vọng đã đăng kí;

+ Điểm trúng tuyển được tính riêng theo từng ngành (xét điểm từ cao xuống thấp cho đủ chỉ tiêu).

- *Điều kiện phụ trong xét tuyển:* đối với các thí sinh bằng điểm xét tuyển ở cuối danh sách thì trường sẽ xét trúng tuyển dựa trên tiêu chí ưu tiên theo thứ tự như sau, nếu vẫn còn vượt chỉ tiêu thì ưu tiên thí sinh có nguyện vọng cao hơn:

+ Với tổ hợp môn Toán học, Hóa học, Sinh học: Ưu tiên 1: tổng điểm 3 môn chưa làm tròn; ưu tiên 2: môn Sinh học, ưu tiên 3: môn Hóa học, ưu tiên 4: môn Toán học.

+ Với tổ hợp môn Toán học, Hóa học, Vật lý: Ưu tiên 1: tổng điểm 3 môn chưa làm tròn; ưu tiên 2: môn Hóa học, ưu tiên 2: môn Toán học, ưu tiên 3: môn Vật lý.

+ Với tổ hợp môn Toán học, Hóa học, Tiếng Anh: Ưu tiên 1: tổng điểm 3 môn chưa làm tròn; ưu tiên 2: môn Hóa học, ưu tiên 2: môn Toán học, ưu tiên 3: môn Tiếng Anh.

*1.7. Tổ chức tuyển sinh: Thời gian; hình thức nhận hồ sơ ĐKXT/thi tuyển; các điều kiện xét tuyển/thi tuyển, tổ hợp môn thi/bài thi đối với từng ngành đào tạo...*

Theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

*1.8. Chính sách ưu tiên: Xét tuyển thẳng; ưu tiên xét tuyển;...*

Theo quy định tại điều 7 – Chương II – Quy chế tuyển sinh trình độ đại học; tuyển sinh trình độ cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non (Ban hành kèm theo Thông tư số 09/2020/TT-BGDĐT ngày 07/05/2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo).

a. Chính sách ưu tiên theo đối tượng :

Thực hiện theo quy định tại khoản 1 điều 7 - Chương II – Quy chế tuyển sinh trình độ đại học; tuyển sinh trình độ cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non (Ban hành kèm theo Thông tư số 09/2020/TT-BGDĐT ngày 07/05/2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo).

b. Đối tượng tuyển thẳng

- Những thí sinh được qui định tại khoản a, b khoản 2 điều 7 của qui chế tuyển sinh; những thí sinh tham dự kỳ thi chọn đội tuyển quốc gia dự thi Olympic quốc tế môn Toán học, Hóa học, Sinh học; những thí sinh đạt giải nhất, nhì, ba kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia môn Toán học, Hóa học, Sinh học và những thí sinh đạt giải nhất, nhì, ba Cuộc thi khoa học, kỹ thuật quốc tế đã tốt nghiệp THPT được xét tuyển thẳng vào tất cả các ngành;

- Những thí sinh đạt giải nhất, nhì và ba trong Cuộc thi khoa học, kỹ thuật quốc gia chuyên ngành phù hợp với ngành y đã tốt nghiệp THPT và có chứng chỉ Tiếng Anh quốc tế trong thời hạn (tính đến ngày nộp hồ sơ xét tuyển) đạt IELTS 4.5 trở lên, hoặc TOEFL iBT 50 trở lên hoặc có bài báo quốc tế được Hiệu trưởng, Hội đồng khoa học của trường xem xét kết quả đề tài, dự án đã đạt giải để xét tuyển thẳng vào ngành Y khoa, Răng hàm mặt;

- Những thí sinh đạt giải nhất, nhì và ba trong Cuộc thi khoa học, kỹ thuật quốc gia chuyên ngành phù hợp với ngành y đã tốt nghiệp THPT được Hiệu trưởng, Hội đồng khoa học của trường xem xét kết quả đề tài, dự án đã đạt giải để xét tuyển thẳng vào ngành Y học dự phòng, Y học cổ truyền, Dược học, Điều dưỡng, Kỹ thuật xét nghiệm y học;

- Số lượng tuyển thẳng tối đa 10% chỉ tiêu của mỗi chuyên ngành. Nếu số lượng thí sinh đăng ký xét tuyển thẳng vượt quá 10% chỉ tiêu của mỗi chuyên ngành, nhà trường sẽ xét tuyển theo thứ tự ưu tiên sau:

+ Với các thí sinh được miễn kỳ thi THPT quốc gia: ưu tiên 1: theo thứ tự giải, ưu tiên 2: chứng chỉ Tiếng Anh quốc tế, ưu tiên 3: điểm tổng kết 3 năm THPT;

+ Với các thí sinh phải thi THPT quốc gia: với tổ hợp môn Toán học, Hóa học, Sinh học: ưu tiên 1: tổng điểm 3 môn, ưu tiên 2: môn Sinh học, ưu tiên 3: môn Hóa học, ưu tiên 4: môn Toán học; với tổ hợp môn Toán học, Hóa học, Vật lý: Ưu tiên 1: tổng điểm 3 môn, ưu tiên 2: môn Hóa học, ưu tiên 3: môn Toán học, ưu tiên 4: môn Vật lý; với tổ hợp môn Toán học, Hóa học, Tiếng Anh: Ưu tiên 1: tổng điểm 3 môn, ưu tiên 2: môn Hóa học, ưu tiên 3: môn Toán học, ưu tiên 4: môn Tiếng Anh;

c. Đối tượng ưu tiên xét tuyển (áp dụng cho các thí sinh không dùng quyền tuyển thẳng)

Thí sinh đạt giải nhất, nhì, ba trong kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia môn Toán học, Hóa học, Sinh học đã tốt nghiệp THPT được cộng điểm thưởng vào tổng điểm xét tuyển với mức điểm cộng như sau:

+ Đạt giải nhất: cộng 5,0 điểm

+ Đạt giải nhì: cộng 4,0 điểm

+ Đạt giải ba: cộng 3,0 điểm

d. Ưu tiên theo khu vực: thực hiện theo khoản 4 điều 7 - Chương II – Quy chế tuyển sinh trình độ đại học; tuyển sinh trình độ cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non (Ban hành kèm theo Thông tư số 09/2020/TT-BGDĐT ngày 07/05/2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo).

e. Khung điểm ưu tiên theo đối tượng và khu vực: Mức chênh lệch điểm trúng tuyển giữa hai nhóm đối tượng kế tiếp là 1,0 (một điểm), giữa hai khu vực kế tiếp là 0,25 (một phần tư điểm) tương ứng với tổng điểm 3 bài thi/môn thi (trong tổ hợp môn xét tuyển) không nhân hệ số theo thang điểm 10.

*1.9. Lệ phí xét tuyển/thi tuyển...*

Theo quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

*1.10. Học phí với sinh viên chính quy; lộ trình tăng học phí tối đa cho từng năm (nếu có)*

Học phí dự kiến cho năm học 2021-2022: 14.300.000 đồng/năm học/1 sinh viên (Trong trường hợp Nhà nước có quy định mới về mức thu học phí đối với các cơ sở giáo dục đại học công lập thay thế Nghị định 86/2015/NĐ-CP ngày 02/10/2015 Nhà trường sẽ có sự điều chỉnh mức thu học phí phù hợp với quy định mới).

1.11. Các nội dung khác (không trái quy định hiện hành)....

1.12. Thời gian dự kiến tuyển sinh các đợt bổ sung trong năm

1.12.1. Tuyển sinh bổ sung đợt 1: Tháng 9/2021 (nếu có)

1.12.2. Tuyển sinh bổ sung đợt 2: Theo thông báo của trường (nếu có)

1.12.3. Tuyển sinh bổ sung đợt 3: Theo thông báo của trường (nếu có)

1.13. Tình hình việc làm (thống kê cho 2 khóa tốt nghiệp gần nhất)

**Tình hình việc làm của sinh viên tốt nghiệp sau 12 tháng năm 2018 (báo cáo năm học 2019-2020)**

Nhóm ngành	Chỉ tiêu Tuyển sinh			Số SV/HS trúng tuyển nhập học			Số SV/HS tốt nghiệp 2018			Trong đó số SV/HS tốt nghiệp đã có việc làm trong 1 năm kể từ khi tốt nghiệp		
	ĐH	CĐSP	TCSP	ĐH	CĐSP	TCSP	ĐH	CĐSP	TCSP	ĐH	CĐSP	TCSP
Khối ngành VI	1140			1103			767			95,16%		

**Tình hình việc làm của sinh viên tốt nghiệp sau 12 tháng năm 2019 (báo cáo năm học 2020-2021)**

Nhóm ngành	Chỉ tiêu Tuyển sinh			Số SV/HS trúng tuyển nhập học			Số SV/HS tốt nghiệp 2019			Trong đó số SV/HS tốt nghiệp đã có việc làm trong 1 năm kể từ khi tốt nghiệp		
	ĐH	CĐSP	TCSP	ĐH	CĐSP	TCSP	ĐH	CĐSP	TCSP	ĐH	CĐSP	TCSP
Khối ngành VI	1140			1145			766			92.73%		

1.14. Tài chính

- Tổng nguồn thu hợp pháp/năm của trường:

216.633.000.000 đồng

- Tổng chi phí đào tạo trung bình 1 sinh viên/năm của năm liền trước năm tuyển sinh:

33.000.000 đồng/sinh viên/năm

## 2. Tuyển sinh liên thông chính quy, vừa làm vừa học: từ TC, CĐ lên ĐH

### 2.1. Đối tượng tuyển sinh

- Thí sinh dự tuyển ngành Y khoa phải có bằng tốt nghiệp Y sĩ
- Thí sinh dự tuyển ngành Dược học phải có bằng tốt nghiệp Dược sĩ cao đẳng
- Thí sinh dự tuyển ngành Điều dưỡng phải có bằng tốt nghiệp Cao đẳng Điều dưỡng
- Thí sinh dự tuyển ngành Kỹ thuật xét nghiệm y học phải có bằng tốt nghiệp Cao đẳng Xét nghiệm y học hoặc bằng tốt nghiệp khối ngành khoa học sức khỏe có chứng chỉ chuyển đổi.

2.2. Phạm vi tuyển sinh: Trường tuyển sinh trên phạm vi cả nước.

2.3. Phương thức tuyển sinh (thi tuyển, xét tuyển hoặc kết hợp thi tuyển và xét tuyển)

Xét tuyển theo kết quả học tập THPT

2.4. Chỉ tiêu tuyển sinh: Chỉ tiêu theo Ngành/Nhóm ngành/Khối ngành, theo từng phương thức tuyển sinh và trình độ đào tạo

STT	Trình độ đào tạo	Mã ngành	Ngành học	Chỉ tiêu chính quy (dự kiến)	Chỉ tiêu VL VH (dự kiến)	Số QĐ đào tạo LT	Ngày tháng năm ban hành QĐ	Cơ quan có thẩm quyền cho phép hoặc trường tự chủ QĐ	Năm bắt đầu đào tạo
1	Đại học	7720101	Y khoa (từ TC lên ĐH)	120		12/2001/QĐ-BGDĐT	26/04/2001	Bộ Giáo dục và Đào tạo	1984
2	Đại học	7720201	Dược học (từ TC lên ĐH)			1163/QĐ-BGDĐT	03/04/2014	Bộ Giáo dục và Đào tạo	2014
			Dược học (từ CĐ lên ĐH)	30		1242/QĐ-YDHP	30/12/2016	Trường ĐHYD Hải Phòng	2020
3	Đại học	7720301	Điều dưỡng (Từ TC lên ĐH)			2569/QĐ-BGDĐT	21/07/2015	Bộ Giáo dục và Đào tạo	2006
			Điều dưỡng (Từ CĐ lên ĐH)		439	1243/QĐ-YDHP	30/12/2016	Trường ĐHYD Hải Phòng	2018
4	Đại học	7720601	Kỹ thuật xét nghiệm y học (Từ TC lên ĐH)			236/QĐ-BGDĐT	21/01/2016	Bộ Giáo dục và Đào tạo	2016
			Kỹ thuật xét nghiệm y học (Từ CĐ lên ĐH)		100	1241/QĐ-YDHP	30/12/2016	Trường ĐHYD Hải Phòng	2017

### 2.5. Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào, điều kiện nhận hồ sơ ĐKXT

Theo quy định tại khoản d) điều 16 – Chương III – Quy chế tuyển sinh trình độ đại học; tuyển sinh trình độ cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non (Ban hành kèm theo Thông tư số 09/2020/TT-BGDĐT ngày 07/05/2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo).

2.6. Các thông tin cần thiết khác để thí sinh ĐKXT vào các ngành của trường: mã số trường, mã số ngành, tổ hợp xét tuyển và quy định chênh lệch điểm xét tuyển giữa các tổ hợp; các điều kiện phụ sử dụng trong xét tuyển...



- Mã trường: **YPB**

- Mã ngành, tổ hợp xét tuyển:

STT	Hình thức đào tạo	Mã ngành	Tên ngành	Chỉ tiêu TS	Tổ hợp xét tuyển	Ngưỡng điều kiện nộp hồ sơ
1	Liên thông chính quy	7720101	Y khoa	120	1. Toán, Hóa, Sinh 2. Toán, Lý, Hóa	Đạt một trong các tiêu chí sau: - Học lực lớp 12 đạt loại giỏi - Điểm trung bình chung các môn văn hóa THPT đạt từ 8,0 trở lên - Tốt nghiệp THPT loại giỏi - Học lực lớp 12 đạt loại khá và có 3 năm kinh nghiệm công tác đúng với chuyên môn đào tạo
2	Liên thông chính quy(CĐ-ĐH) (dự kiến đào tạo theo đặt hàng)	7720201	Dược học	30	Toán, Lý, Hóa	- Tốt nghiệp trình độ trung cấp, hoặc trình độ CĐ đạt loại giỏi - Tốt nghiệp trình độ trung cấp, hoặc trình độ CĐ đạt loại khá và có 3 năm kinh nghiệm công tác đúng với chuyên môn đào tạo
3	Liên thông VLVH (CĐ-ĐH)	7720301	Điều dưỡng	439	Toán, Hóa, Sinh + Điểm TBC bậc cao đẳng	Đạt một trong các tiêu chí sau: - Học lực lớp 12 đạt loại khá - Điểm trung bình chung các môn văn hóa THPT đạt từ 6,5 trở lên
4	Liên thông VLVH (CĐ-ĐH)	7720601	Kỹ thuật xét nghiệm y học	100	Toán, Hóa, Sinh+ Điểm TBC bậc cao đẳng	- Tốt nghiệp THPT loại khá - Học lực lớp 12 đạt loại trung bình và có 5 năm kinh nghiệm công tác đúng với chuyên môn đào tạo - Tốt nghiệp trình độ CĐ đạt loại khá trở lên

\* Ghi chú: Đối với ngành Y khoa, thí sinh có thể lựa chọn một trong hai hoặc lựa chọn cùng lúc cả hai tổ hợp xét tuyển để đăng ký xét tuyển.

- Nguyên tắc xét tuyển:

+ Thí sinh có đủ điều kiện và đáp ứng yêu cầu của nhà trường được quyền đăng ký xét tuyển

+ Xét tuyển lần lượt từ cao xuống thấp dựa vào điểm xét tuyển và các tiêu chí phụ theo thứ tự cho đến hết số lượng chỉ tiêu của ngành xét tuyển

+ Điểm xét tuyển

Đối với ngành Y khoa, Dược học là tổng điểm trung bình lớp 12 ở THPT của các môn thuộc tổ hợp xét tuyển, cộng với điểm ưu tiên khu vực, điểm ưu tiên đối tượng (nếu có)

Đối với ngành Điều dưỡng và Kỹ thuật xét nghiệm y học là tổng điểm trung bình lớp 12 ở THPT của các môn thuộc tổ hợp xét tuyển, cộng với điểm trung bình chung bậc cao đẳng, cộng với điểm ưu tiên khu vực, điểm ưu tiên đối tượng (nếu có)

+ Điểm xét tuyển lấy đến 2 chữ số thập phân. Đối với các thí sinh bằng điểm xét tuyển cuối danh sách thì trường sẽ xét trúng tuyển dựa trên tiêu chí ưu tiên theo thứ tự như sau:

Y khoa: Ưu tiên 1: Tổ hợp môn Toán, Hóa Sinh; ưu tiên 2: tổng điểm 3 môn chưa làm tròn; ưu tiên 3: môn Sinh học, ưu tiên 4: môn Hóa học, ưu tiên 5: môn Toán học, ưu tiên 6: môn Vật lý.

Dược học: Ưu tiên 1: tổng điểm 3 môn chưa làm tròn; ưu tiên 2: môn Hóa học, ưu tiên 3: môn Toán học, ưu tiên 4: môn Vật lý.

Điều dưỡng và Kỹ thuật xét nghiệm y học: Ưu tiên 1: tổng điểm 3 môn chưa làm tròn; ưu tiên 2: môn Sinh học, ưu tiên 3: môn Hóa học, ưu tiên 4: môn Toán học.

+ Thí sinh trúng tuyển phải xác nhận nhập học trong thời hạn quy định. Quá thời hạn này, thí sinh không xác nhận nhập học được xem như từ chối nhập học.

*2.7. Tổ chức tuyển sinh: Thời gian; hình thức nhận hồ sơ ĐKXT/thi tuyển; các điều kiện xét tuyển/thi tuyển, tổ hợp môn thi/bài thi đối với từng ngành đào tạo...*

Thời gian, hình thức nhận hồ sơ ĐKXT sẽ được quy định cụ thể trong thông báo tuyển sinh liên thông chính quy, liên thông vừa làm vừa học trình độ Đại học năm 2021 của Nhà trường.

*2.8. Chính sách ưu tiên: Xét tuyển thẳng; ưu tiên xét tuyển;...*

Theo quy định tại điều 7 – Chương II – Quy chế tuyển sinh trình độ đại học; tuyển sinh trình độ cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non (Ban hành kèm theo Thông tư số 09/2020/TT-BGDĐT ngày 07/05/2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo).

a. Chính sách ưu tiên theo đối tượng :

Thực hiện theo quy định tại khoản 1 điều 7 - Chương II – Quy chế tuyển sinh trình độ đại học; tuyển sinh trình độ cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non (Ban hành kèm theo Thông tư số 09/2020/TT-BGDĐT ngày 07/05/2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo).

b. Ưu tiên theo khu vực: thực hiện theo khoản 4 điều 7 - Chương II – Quy chế tuyển sinh trình độ đại học; tuyển sinh trình độ cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non (Ban hành kèm theo Thông tư số 09/2020/TT-BGDĐT ngày 07/05/2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo).

- Đối với thí sinh chưa có thâm niên công tác hoặc có thâm niên công tác dưới 24 tháng hưởng ưu tiên khu vực theo hộ khẩu thường trú (hộ khẩu thường trú trên 24 tháng trong thời gian gần nhất).

- Đối với thí sinh có thâm niên công tác trên 24 tháng hưởng ưu tiên khu vực theo nơi công tác (nơi công tác trên 24 tháng trong thời gian gần nhất)

c. Khung điểm ưu tiên theo đối tượng và khu vực: Mức chênh lệch điểm trúng tuyển giữa hai nhóm đối tượng kế tiếp là 1,0 (một điểm), giữa hai khu vực kế tiếp là 0,25 (một phần tư điểm) tương ứng với tổng điểm 3 bài thi/môn thi (trong tổ hợp môn xét tuyển) không nhân hệ số theo thang điểm 10

*2.9. Lệ phí xét tuyển:*

Theo quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

*2.10. Học phí với sinh viên; lộ trình tăng học phí tối đa cho từng năm (nếu có)*

Học phí dự kiến cho năm học 2021-2022: 14.300.000 đồng/năm học/1 sinh viên (Trong trường hợp Nhà nước có quy định mới về mức thu học phí đối với các cơ sở giáo dục đại học công lập thay thế Nghị định 86/2015/NĐ-CP ngày 02/10/2015 Nhà trường sẽ có sự điều chỉnh mức thu học phí phù hợp với quy định mới).

*2.11. Thời gian dự kiến tuyển sinh các đợt bổ sung trong năm:*

*2.11.1. Tuyển sinh đợt 1: Tháng 7/2021*

*2.11.2. Tuyển sinh bổ sung đợt 1: Dự kiến tháng 10/2021 (nếu có)*

*2.11.3. Tuyển sinh bổ sung đợt 2: Theo thông báo của trường (nếu có)*

*2.12. Các nội dung khác (không trái quy định hiện hành)...*

**Hồ sơ đăng ký xét tuyển**

- 01 phiếu dự tuyển (theo mẫu) có xác nhận của cơ quan công tác hoặc địa phương nơi cư trú
- 01 bản photo công chứng bằng tốt nghiệp THPT (hoặc tương đương)
- 01 bản photo công chứng bằng tốt nghiệp Y sĩ đối với thí sinh dự tuyển ngành Y khoa
- 01 bản photo công chứng bằng tốt nghiệp Dược sĩ cao đẳng đối với thí sinh dự tuyển ngành Dược học
- 01 bản photo công chứng bằng tốt nghiệp Cao đẳng Điều dưỡng đối với thí sinh dự tuyển ngành Điều dưỡng
- 01 bản photo công chứng bằng tốt nghiệp Cao đẳng Xét nghiệm y học hoặc bằng tốt nghiệp khối ngành khoa học sức khỏe có chứng chỉ chuyên đổi đối với Thí sinh dự tuyển ngành Kỹ thuật xét nghiệm y học.
- 01 bản photo công chứng học bạ cấp 3 (***có bản chính để đối chiếu***)
- 01 bản photo công chứng bằng điểm trung cấp hoặc cao đẳng
- 01 bản sao giấy khai sinh
- Giấy chứng nhận đối tượng ưu tiên và khu vực ưu tiên tuyển sinh (nếu có)
- + Bản sao có công chứng các minh chứng quá trình công tác (quyết định tuyển dụng; hợp đồng lao động, bảng lương hoặc quyết định tăng lương ... để xác định thâm niên chuyên môn, xác định ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào theo quy định và các giấy tờ ưu tiên khác (nếu có)
- + Bản sao có công chứng Hộ khẩu thường trú (đối với thí sinh có thâm niên công tác dưới 24 tháng)

- 04 ảnh chân dung 3x4 chụp mới (không quá 6 tháng)
- 01 phong bì có dán tem, ghi rõ họ tên, địa chỉ của thí sinh để nhận giấy báo nếu trúng tuyển.
- Các giấy tờ khác cho từng đối tượng cụ thể được quy định trong thông báo tuyển sinh liên thông chính quy, liên thông vừa làm vừa học của nhà trường

### **3. Tuyển sinh đặt hàng**

Phương án tuyển sinh theo đặt hàng năm 2021 thực hiện theo các phương thức tuyển sinh đào tạo chính quy, liên thông chính quy, liên thông vừa làm vừa học (tùy thuộc đối tượng đào tạo theo đặt hàng) phù hợp với quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo tại Thông tư số 09/2020/TT-BGDĐT ngày 07/05/2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo).

3.1. Đối tượng tuyển sinh: Thực hiện theo đề nghị đặt hàng của các đơn vị, địa phương

3.2. Phương thức tuyển sinh dự kiến: (thi tuyển, xét tuyển hoặc kết hợp thi tuyển và xét tuyển)

3.3. Chỉ tiêu tuyển sinh: Chỉ tiêu theo Ngành/Nhóm ngành/Khối ngành, theo từng phương thức tuyển sinh và trình độ đào tạo

Nhà trường dự kiến thực hiện tuyển sinh và đào tạo khi có các tỉnh, thành, ngành đặt hàng đào tạo hoặc được Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ y tế cho phép tuyển sinh và đào tạo

3.4. Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào, điều kiện nhận hồ sơ ĐKXT: Thực hiện theo quy định.

3.5. Các thông tin cần thiết khác để thí sinh ĐKXT vào các ngành của trường: mã số trường, mã số ngành, tổ hợp xét tuyển và quy định chênh lệch điểm xét tuyển giữa các tổ hợp; các điều kiện phụ sử dụng trong xét tuyển... Thực hiện theo quy định.

3.6. Tổ chức tuyển sinh: Thời gian; hình thức nhận hồ sơ ĐKXT/thi tuyển; các điều kiện xét tuyển/thi tuyển, tổ hợp môn thi/bài thi đối với từng ngành đào tạo.... Dựa trên đề án tuyển sinh đã công bố và đề nghị đặt hàng của các đơn vị, địa phương

3.7. Chính sách ưu tiên: Xét tuyển thẳng; ưu tiên xét tuyển;... Thực hiện theo quy định.

3.8. Lệ phí xét tuyển/thi tuyển.:Theo quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

3.9. Học phí dự kiến với sinh viên; lộ trình tăng học phí tối đa cho từng năm (nếu có)

- Học phí: thực hiện theo quy định của Nhà nước

- Kinh phí đào tạo: thực hiện theo quyết định về kinh phí đào tạo cho từng ngành học được hiệu trưởng phê duyệt theo từng năm học

Cán bộ kê khai

Họ tên: Nguyễn Mạnh Hùng

Số điện thoại: 0937.120.991

Email: [nguyenmanhhung129@gmail.com](mailto:nguyenmanhhung129@gmail.com)

**HIỆU TRƯỞNG**

(đã ký)

**PGS.TS Nguyễn Văn Khải**